

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN NINH GIANG**

Số: 63/TB-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thị trấn Ninh Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2022

THÔNG BÁO

**Niêm yết danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến
mức độ 3, 4 thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thị trấn Ninh Giang**

Căn cứ Quyết định số 3373/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên cổng dịch vụ công tỉnh Hải Dương.

Thực hiện Quyết định số 1035/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang về việc công khai danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 thuộc phạm vi, chức năng của các phòng chuyên môn thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. (tại địa chỉ <http://ninhgiang.haiduong.gov.vn>).

Ủy ban nhân dân thị trấn Ninh Giang thông báo niêm yết công khai 98 danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thị trấn Ninh Giang tại bộ phận một cửa, trang thông tin điện tử của thị trấn, có tên miền <http://thitranninhgiang.ninhgiang.haiduong.gov.vn> để các cán bộ, công chức UBND thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết và tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng văn hóa TT huyện;
- Trang thông tin điện tử TT;
- Đài TT TT;
- Lưu VT..

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Luận

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN NINH GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thị trấn Ninh Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số: 50/BG.UBND

BÁO CÁO

Danh mục thủ tục hành chính thực hiện mức độ 3, 4 thuộc phạm vi, chức năng của UBND thị trấn và đăng ký thủ tục hành chính thực hiện trong năm 2022

Phần 1: Tổng hợp danh mục thủ tục hành chính thực hiện mức độ 3, 4 thuộc phạm vi, chức năng của UBND thị trấn

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/Dịch vụ công	Mức độ	Ghi chú
LĨNH VỰC TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ				
1	2.000509.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	4	
2	1.001028.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	4	
3	1.001055.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	3	
4	1.001078.000.00.00.H23	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	4	
5	1.001085.000.00.00.H23	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	4	
6	1.001090.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	3	
7	1.001098.000.00.00.H23	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	4	
8	1.001109.000.00.00.H23	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	4	
9	1.001156.000.00.00.H23	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	4	
10	1.001167.000.00.00.H23	Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	4	
LĨNH VỰC THI DUA - KHEN THƯỞNG				
1	1.000775.000.00.00.H23	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	4	
2	2.000346.000.00.00.H23	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	4	
3	2.000337.000.00.00.H23	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	4	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/Dịch vụ công	Mức độ	Ghi chú
4	1.000748.000.00.00.H23	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	4	
5	2.000305.000.00.00.H23	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	4	
LĨNH VỰC GIA ĐÌNH				
1	1.000954.000.00.00.H23	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	4	
2	1.001120.000.00.00.H23	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	4	
LĨNH VỰC THỂ THAO				
1	2.000794.000.00.00.H23	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	4	
LĨNH VỰC THƯ VIỆN				
1	1.008902.000.00.00.H23	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện công đồng	4	
2	1.008901.000.00.00.H23	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	3	
3	1.008903.000.00.00.H23	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	3	
LĨNH VỰC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC				
1	1.004492.000.00.00.H23	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	3	
2	1.004485.000.00.00.H23	Thủ tục sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	3	
3	2.001810.000.00.00.H23	Thủ tục giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	3	
4	1.004443.000.00.00.H23	Thủ tục cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	3	
5	1.004441.000.00.00.H23	Thủ tục cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	3	
LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ				
1	1.003622.000.00.00.H23	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	4	
LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẢO TRỢ XÃ HỘI				
1	2.000355.000.00.00.H23	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	4	
2	1.001758.000.00.00.H23	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	3	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/Dịch vụ công	Mức độ	Ghi chú
3	1.001776.000.00.00.H23	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	3	
4	2.000751.000.00.00.H23	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	3	
5	1.001653.000.00.00.H23	Thủ tục Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	4	
6	1.001699.000.00.00.H23	Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	4	
7	1.001731.000.00.00.H23	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	3	
8	1.001739.000.00.00.H23	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	3	
LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG				
1	2.001382.000.00.00.H23 3.	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hải cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	4	
2	1.003337.000.00.00.H23 3	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	4	
LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI				
1	1.000132.000.00.00.H23	Thủ tục Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	4	
2	1.003521.000.00.00.H23 3	Thủ tục Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	3	
LĨNH VỰC VIỆC LÀM				
1	1.008362.000.00.00.H23	Hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	3	
LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG				
1	1.004082.000.00.00.H23	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	4	
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP				
1	1.003596.000.00.00.H23	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	4	
LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI				
1	2.002161.000.00.00.H23	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	3	
2	2.002162.000.00.00.H23	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	3	
3	2.002163.000.00.00.H23	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	3	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/Dịch vụ công	Mức độ	Ghi chú
----	---------	-------------------------------------	--------	---------

LĨNH VỰC THỦY LỢI

1	1.003440.000.00.00.H23	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	3	
2	1.003446.000.00.00.H23	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	3	
3	2.001621.000.00.00.H23	Nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	3	

LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

1	1.008004.000.00.00.H23	Thủ tục Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	4	
---	------------------------	--	---	--

LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

1	1.004088.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác	3	
2	1.005040.000.00.00.H23	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	3	
3	1.004047.000.00.00.H23	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	3	
4	1.004036.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	3	
5	1.004002.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	3	
6	1.003970.000.00.00.H23	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	3	
7	1.006391.000.00.00.H23	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	3	
8	1.003930.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	3	
9	2.001659.000.00.00.H23	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	3	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/Dịch vụ công	Mức độ	Ghi chú
LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI				
1	1.003554.000.00.00.H23	Hòa giải tranh chấp đất đai	4	
LĨNH VỰC TIẾP DÂN - TỔ CÁO				
1	2.002396.000.00.00.H23	Thủ tục Giải quyết tổ cáo tại cấp xã	4	
2	2.001909.000.00.00.H23	Thủ tục Tiếp công dân tại cấp xã	4	
3	2.001801.000.00.00.H23	Thủ tục Xử lý đơn tại cấp xã	4	
4	2.002400.000.00.00.H23	Thủ tục Kê khai tài sản, thu nhập	4	
5	2.002401.000.00.00.H23	Thủ tục Xác minh tài sản, thu nhập	3	
6	2.002402.000.00.00.H23	Thủ tục Tiếp nhận yêu cầu giải trình	3	
7	2.002403.000.00.00.H23	Thủ tục Thực hiện việc giải trình	3	
8	2.002409.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	3	
LĨNH VỰC CHỨNG THỰC				
1	2.000908.000.00.00.H23	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	4	
2	2.000815.000.00.00.H23	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	3	
3	2.000884.000.00.00.H23	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	3	
4	2.001035.000.00.00.H23	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	3	
5	2.000942.000.00.00.H23	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	4	
6	2.000927.000.00.00.H23	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	3	
7	2.001406.000.00.00.H23	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	3	
8	2.001009.000.00.00.H23	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	4	
9	2.000927.000.00.00.H23	Thủ tục sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	3	
10	2.001019.000.00.00.H23	Thủ tục chứng thực di chúc	3	
11	2.001016.000.00.00.H23	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	3	
LĨNH VỰC HỌ TỊCH				
1	1.001193.000.00.00.H23	Đăng ký khai sinh	4	
2	1.000894.000.00.00.H23	Đăng ký kết hôn	4	
3	1.001022.000.00.00.H23	Đăng ký nhân cha, mẹ, con	3	
4	1.000689.000.00.00.H23	Đăng ký khai sinh kết hợp nhân cha, mẹ, con	3	
5	1.000856.000.00.00.H23	Đăng ký khai tử	3	
6	1.003583.000.00.00.H23	Đăng ký khai sinh lưu động	3	
7	1.000593.000.00.00.H23	Đăng ký kết hôn lưu động	4	
8	1.000419.000.00.00.H23	Đăng ký khai tử lưu động	3	
9	1.004837.000.00.00.H23	Đăng ký giám hộ	4	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/Dịch vụ công	Mức độ	Ghi chú
10	1.004845.000.00.00.H23	Đăng ký chấm dứt giám hộ	4	
11	1.004859.000.00.00.H23	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	3	
12	1.004873.000.00.00.H23	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	3	
13	1.004884.000.00.00.H23	Đăng ký lại khai sinh	3	
14	1.004772.000.00.00.H23	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	3	
15	1.004746.000.00.00.H23	Đăng ký lại kết hôn	3	
16	1.004561.000.00.00.H23	Đăng ký lại khai tử	4	
17	1.000635.000.00.00.H23	Cấp bản sao trích lục hộ tịch		
LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT				
1	2.001457.000.00.00.H23	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	4	
2	2.001449.000.00.00.H23	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	4	
3	2.000373.000.00.00.H23	Thủ tục công nhận hòa giải viên	3	
4	2.000333.000.00.00.H23	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	4	
5	2.000930.000.00.00.H23	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	4	
6	2.002080.000.00.00.H23	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên		
LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI				
1	2.001255.000.00.00.H23	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	4	
2	2.001263.000.00.00.H23	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	3	
LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC				
1	2.002165.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	3	